TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 89/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28-9-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Trung.

Ông Trần Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2018/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Biện Thị L, sinh năm 1983 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn P, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 21/6/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Biện Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn P chung sống với nhau vào năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng

quan điểm, anh P thường xuyên nhậu nên gây ra bất hòa, không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên chị không còn tình cảm với anh P. Hiện anh chị đã ly thân từ tháng 5/2016. Mặc dù, hai bên đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn P.

Về nuôi con chung: Gồm có 02 người tên Lê Thanh T, sinh năm 2005 và Lê Sơn T, sinh năm 2007. Hiện nay hai cháu đang sống với chị. Sau khi ly hôn con có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi, người không nuôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn đề nghị vắng mặt ngày 24/8/2018 bị đơn anh Lê Văn P trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị L nay chị L yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về nuôi con chung: Gồm có 02 người tên Lê Thanh T, sinh năm 2005 và Lê Sơn T, sinh năm 2007. Sau khi ly hôn con theo ai thì người đó nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị L vẫn giữ quan điểm.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng được thực hiện đúng trình tự pháp luật quy định. Do chị L và anh P chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định nên không công nhận chị L và anh P là vợ chồng. Về con chung chấp nhận theo nguyện vọng của các cháu, về chia tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Văn P có đơn đề nghị vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Lê Văn P.

[2] Về hôn nhân: Chị Biện Thị L và anh Lê Văn P tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 đến nay chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống chị L và anh P có những mâu thuẫn bất hòa. Nay xét thấy đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị L yêu cầu ly hôn, anh P đồng ý. Xét thấy, việc chị L và anh P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên căn cứ vào Điều 9 Luật

Hôn nhân và Gia đình thì chị Biện Thị L và anh Lê Văn P không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Gồm 02 người con tên Lê Thanh T, sinh năm 2005 và Lê Sơn T, sinh năm 2007. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Thanh T có đơn nguyện vọng được sống cùng chị L và cháu Sơn T có đơn nguyện vọng được sống cùng anh P, chị L và anh P đủ điều kiện đảm bảo cho việc nuôi con và phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên Hội đồng xét xử tôn trọng ý kiến của các cháu, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quyết định để chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Thanh T, sinh năm 2005 và buộc chị L giao cháu Lê Sơn T, sinh năm 2007 cho anh P nuôi dưỡng. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Chị Lvà anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[4] Về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì chị Biện Thị L phải chịu 300.000 đồng. Chị Biện Thị L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005278 ngày 21/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9; Điều 14, Điều 81; Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Biện Thị L và anh Lê Văn P là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Chị Biện Thị L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Thanh T, sinh năm 2005. Buộc chị Biện Thị L giao cháu Lê Sơn T, sinh năm 2007 cho anh Lê Văn P nuôi dưỡng.

Chị Biện Thị L và anh Lê Văn P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của nhau.

3. Về chia tài sản: Không đặt ra xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm chị Biện Thị L phải chịu 300.000 đồng. Chị Biện Thị L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005278 ngày 21/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mỹ Phương